

Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của các doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn

TRẦN THỊ THANH XUÂN*
BÙI THỊ THÙY**
TẠ THỊ HÒA***

Tóm tắt

Bài viết nhằm nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của các doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn. Thông qua khảo sát 115 doanh nghiệp vận tải đang kinh doanh tại tỉnh Lạng Sơn từ tháng 7-10/2021, kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn là: Chi phí; Các nguồn lực; Quản lý hàng hóa; Nhận thức của nhân viên; Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm; Thông tin. Trong đó, nhân tố tác động mạnh nhất tới chi phí logistics của doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn là Chi phí và tác động yếu nhất là Nhận thức của nhân viên. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giảm chi phí logistics của doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn nói riêng, của cả nước nói chung.

Từ khóa: các nhân tố ảnh hưởng, chi phí, logistics, doanh nghiệp vận tải, Lạng Sơn

Summary

The article aims to study factors affecting logistics costs of enterprises in Lang Son province. Through a survey of 115 transport enterprises in the province from July to October 2021, the research points out 6 determinants including Cost; Resources; Merchandise management; Employee awareness; Cargo control and insurance; Information. In particular, Cost has the strongest impact and Employee awareness creates the weakest influence on logistics costs of local enterprises. From those findings, some solutions are proposed to reduce logistics costs of enterprises in Lang Son province in particular and the country in general.

Keywords: determinants, costs, logistics, transport enterprises, Lang Son

GIỚI THIỆU

Logistics là các hoạt động có mối liên kết chặt chẽ với nhau, hiệu quả của chúng có tính quyết định đến sự cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhận thức được vai trò dịch vụ của logistics, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định mục tiêu “Tập trung phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao; xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics hiện đại” là một thành tố vô cùng quan trọng trong xây dựng và phát triển nền kinh tế của Tỉnh.

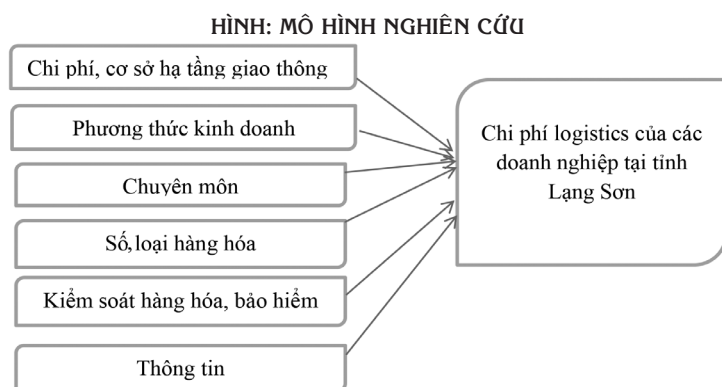
Nhu cầu về dịch vụ logistics tại tỉnh Lạng Sơn ngày càng tăng cao, vì đây là địa phương nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Đông Bắc Bộ, có vị trí tiếp giáp với các tỉnh, thành có tốc độ

phát triển công nghiệp khá tốt của cả nước như Bắc Giang; Quảng Ninh; Thái Nguyên... và đặc biệt Tỉnh có 2 cửa khẩu quốc tế: cửa khẩu Ga đường sắt Đồng Đăng huyện Cao Lộc và cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị; có 1 cửa khẩu quốc gia: Chi Ma (Huyện Lộc Bình) và 10 lối mở biên giới với Trung Quốc. Tỉnh còn là trọng điểm xuất - nhập khẩu và là trung tâm thương mại - dịch vụ của các tỉnh miền núi phía Bắc và của cả nước, trung tâm logistics của Vùng.

Để đáp ứng nhu cầu thực tiễn về phát triển kinh tế, thương mại và hội nhập quốc tế của Tỉnh, mặt khác để phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn một cách hiệu quả, góp phần thực thi định hướng chiến lược và quy hoạch về phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ logistics, Lạng Sơn cần xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn trong thời gian tới. Vì thế, việc đánh giá, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới chi phí logistics của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là rất cần thiết.

* TS., **, ***, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Ngày nhận bài: 17/10/2021; Ngày phản biện: 30/10/2021; Ngày duyệt đăng: 14/11/2021



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

BẢNG 1: CÁC BIẾN ĐẶC TRƯNG VÀ THANG ĐO CHẤT LƯỢNG TỐT

Nhóm biến	Cronbach's Alpha	Kết luận
1. CP (CPK1-10) - Chi phí kho bãi	0,708	Chấp nhận được
2. DN (DN1-5) - Phương thức kinh doanh	0,770	Chấp nhận được
3. CM (CM1-3) - Chuyên môn	0,702	Chấp nhận được
4. HH (HH1-6) - Số, loại hàng hóa	0,746	Chấp nhận được
5. HK (HK1-4) - Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm	0,763	Chấp nhận được
6. TT (TT1-1) - Thông tin	0,758	Chấp nhận được

BẢNG 2: MA TRẬN NHÂN TỐ XOAY (ROTATED COMPOCENT MATRIX)

Biến	Nội dung	1	2	3	4	5	6
CP2	Chi phí vận tải đường bộ	,536					
CP3	Chi phí vận tải đường sông	,795					
CP4	Chi phí vận tải đường sắt	,787					
CP5	Chi phí mặt bằng cảng sông	,689					
CP6	Chi phí mặt bằng kho hàng	,843					
CP7	Chất lượng kho cảng sông	,654					
CP8	Chất lượng kho hàng	,825					
CP9	Lựa chọn địa điểm kho hàng	,818					
CP10	Chi phí giao dịch	,602					
DN1	Phương thức hoạt động		,549				
DN2	Vốn đầu tư của doanh nghiệp		,654				
DN3	Đối tác liên kết		,648				
DN4	Phương thức vận chuyển		,836				
DN5	Nguồn nguyên liệu		,864				
HH1	Số lượng				,778		
HH2	Loại hàng				,773		
HH3	Tồn kho thành phẩm, nguyên liệu				,647		
HH4	Chi phí tồn trữ				,577		
HH5	Chi phí đặt hàng				,597		
HH6	Thu gom hàng hóa				,702		
CM1	Chuyên môn nghiệp vụ			,716			
CM2	Tiếng anh			,882			
CM3	Tin học			,763			
HK1	Dịch vụ khách hàng					,825	
HK2	Kiểm hóa					,839	
HK3	Bảo hiểm					,650	
HK4	Hợp đồng					,512	
TT1	Dự báo nhu cầu						,838
TT2	Thông tin trong phân phối						,750

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mô hình nghiên cứu

Dựa vào các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến chi phí logistics bao gồm: (1) Chi phí, cơ sở hạ tầng giao thông; (2) Phương thức kinh doanh; (3) Chuyên môn; (4) Số loại hàng hóa; (5) Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm; (6) Thông tin, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động chi phí logistics của doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu từ 5 nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến chi phí logistics của doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn. Mẫu được chọn là 115 doanh nghiệp vận tải đang kinh doanh tại tỉnh Lạng Sơn. Trong đó, các doanh nghiệp có từ 3 đến 5 chiếc xe chiếm 52% tổng số doanh nghiệp. Điều tra được thực hiện từ tháng 7-10/2021.

Sau khi có kết quả khảo sát, nhóm tác giả tiến hành xử lý thông tin, định vị cho điểm và tổng hợp thành một cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh có sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để hỗ trợ cho quá trình phân tích các dữ liệu trong nghiên cứu của mình. Công cụ để tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát là bảng tính Excel. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tổ thống kê để tổng hợp số liệu và sử dụng bảng thống kê, biểu đồ thống kê để trình bày kết quả tổng hợp số liệu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định chất lượng thang đo

Nghiên cứu đã chỉ ra 5 thang đo đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng (30 biến quan sát) và 1 thang đo đại diện cho chi phí logistics (với 6 biến quan sát).

Kết quả phân tích (Bảng 1) cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều có giá trị trên 0,70. Thấp nhất là thang đo Chuyên môn ($\alpha = 0,702$), cao nhất là thang đo Phương thức kinh doanh ($\alpha = 0,770$).

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả nghiên cứu cho thấy, KMO = 0,869, thỏa mãn điều kiện: $0,5 < KMO < 1$, phân tích EFA là thích hợp cho dữ liệu thực tế. Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong đại diện, kiểm định Bartlett có Sig.< 0,05, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

BẢNG 4: HỆ SỐ HỒI QUY (COEFFICIENTS')

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.
	B	Sai số chuẩn	Beta		
1	(Hằng số)	2,583	,083	31,276	,000
	CP	,469	,083	,429	,000
	DN	,450	,083	,412	,000
	HH	,328	,083	,383	,000
	CM	,165	,083	,192	,013
	HK	,043	,083	,050	,510
	TT	,369	,083	,430	,000

BẢNG 5: PHÂN TÍCH PHƯƠNG SAI (ANOVA)

Mô hình		Tổng các bình phương	df	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	66,824	11	6,075	11,522	,000
	Phần dư	60,105	114	,527		
	Tổng số	126,929	125			

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Từ kết quả Bảng 2 cho thấy, các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) > 0,512; trong đó, có một số nhân tố đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của doanh nghiệp được sắp xếp lại khác với mô hình lý thuyết ban đầu:

- Nhóm 1: Bao gồm các biến: CP2, CP3, CP4, CP5, CP6, CP7, CP8, CP9, CP10 là các chi phí liên quan đến hoạt động cơ sở vật chất của doanh nghiệp, đặt tên cho nhóm này là Chi phí (CP).

- Nhóm 2: Bao gồm các biến: DN1, DN2; DN3, DN4, DN5, là các nguồn lực để doanh nghiệp hoạt động, đặt tên là Các nguồn lực (DN).

- Nhóm 3: Bao gồm các biến: HH1, HH2, HH3, HH4, HH5, HH6, liên quan đến quản lý hàng hóa, đặt tên là Quản lý hàng hóa (HH).

- Nhóm 4: Bao gồm các biến: CM1, CM2, CM3, là trình độ quản lý, nhận thức của nhân viên, đặt tên cho nhóm này là Nhận thức của nhân viên (CM).

- Nhóm 5: Bao gồm các biến: HK1, HK2, HK3, HK4, bao gồm các công việc: kiểm soát lưu kho, bảo hiểm và hợp đồng giữa doanh nghiệp với khách hàng; đặt tên cho nhóm này là Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm (HK).

- Nhóm 6: Bao gồm các biến: TT1, TT2, bao gồm các hoạt động: dự báo nhu cầu, thông tin trong phân phối; đặt tên cho nhóm này là Thông tin (TT).

Như vậy, qua các kiểm định chất lượng thang đo và các kiểm định mô hình EFA, nhận diện có 6 thang đo đại

diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của doanh nghiệp và 1 thang đo đại diện cho chi phí logistics với 30 biến đặc trưng.

Phân tích hồi quy

Dựa vào hàm hồi quy tuyến tính dạng $Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6$

Trong đó: β là tham số cần xác định. Ta chọn nhân tố chi phí logistics (TC) là biến phụ thuộc Y, các biến độc lập được đưa vào để kiểm định mức độ ảnh hưởng đến chi phí logistics lần lượt là: Chi phí (X_1); Các nguồn lực (X_2); Quản lý hàng hóa (X_3); Nhận thức của nhân viên (X_4); Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm (X_5); Thông tin (X_6).

Kết quả kiểm định trên phần mềm IBM SPSS 20 thể hiện ở Bảng 4.

Để kiểm định mức độ phù hợp của mô hình, nhóm tác giả thực hiện phân tích phương sai Anova. Kết quả (Bảng 5) cho thấy Sig. < 0,01, có thể kết luận rằng, mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với độ tin cậy 99%.

Từ kết quả kiểm định trên, ta có hàm hồi quy của chi phí logistics của doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn là:

$$TC = 2,583 + 0,469(CP) + 0,450(DN) + 0,328(HH) + 0,165(CM) + 0,043(HK) + 0,369(TT)$$

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí logistics của doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn là: Chi phí; Các nguồn lực; Quản lý hàng hóa; Nhận thức của nhân viên; Kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm; Thông tin. Trong đó, nhân tố tác động mạnh nhất tới chi phí logistics của doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn là Chi phí và tác động yếu nhất là Nhận thức của nhân viên.

Hàm ý chính sách

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giảm chi phí logistics của doanh nghiệp tại Lạng Sơn như sau:

Thứ nhất, các giải pháp về chi phí logistics doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn. Để tỉnh Lạng Sơn đạt được mục tiêu trung tâm trung chuyển quốc tế, cần có các giải pháp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, cụ thể như: Hoàn thiện dự án Đường cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang (đoạn Chi Lăng - Hữu Nghị); Dự án cải tạo nâng cấp đoạn Km3+700-Km18 Quốc lộ 4B; Dự án đường tuần tra biên giới giai đoạn 2. Bảo đảm tiến độ các công trình hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế; các công trình đường bộ, đường sắt, đường sông chuyên chở hàng hóa đến cửa khẩu. Nên xây dựng và kết nối đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ đường sắt và đường sông và hệ thống kho bãi của Lạng Sơn.

Thứ hai, giải pháp về các nguồn lực: Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải tại tỉnh Lạng Sơn nên ý thức rõ về vai trò logistics chuỗi cung ứng. Bộ phận quản trị logistics thiết lập cơ chế liên kết hữu hiệu giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics. Để có sự liên kết thường xuyên và hữu hiệu trong các phương thức hoạt động, các doanh nghiệp logistics cần chủ động nắm vững nghiệp vụ chuyên ngành thương mại, các quy tắc, các hiệp định thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam đã ký kết.

Thứ ba, giải pháp quản lý hàng hóa: Thực tế cho thấy, sự liên kết giữa các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu và doanh nghiệp dịch vụ logistics còn nhiều hạn chế, chưa chặt chẽ và tin tưởng. Các doanh nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn chưa có thói quen thuê các công ty logistics, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ logistics trọn gói, tích hợp (3PL) hoặc vận tải đa phương thức (4PL) ở bên ngoài, mà thường tự mình đảm nhận việc vận chuyển. Khi doanh nghiệp tự làm đồng nghĩa với việc đầu tư nguồn vốn khổng lồ để xây dựng kho hàng, thiết bị và phương tiện vận tải, trong khi giải pháp thuê công ty 3PL; 4PL ở ngoài sẽ hiệu quả và giảm chi phí logistics rất nhiều.

Thứ tư, giải pháp nhận thức của nhân viên: Tỉnh Lạng Sơn cần có chính sách tập trung hơn nữa, ưu tiên đào tạo và nâng cao chất lượng quản lý nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ logistics. Hiệp hội các doanh nghiệp vận tải Tỉnh nên có liên kết với các cơ sở đào tạo các

lớp ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo có uy tín chất lượng để bồi dưỡng thêm kiến thức về nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp; đặc biệt, cần trau dồi vốn ngoại ngữ của nhân viên.

Thứ năm, giải pháp kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm: Cần phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng cần giảm nhiều trung gian, giảm sự luân chuyển chứng từ qua nhiều khâu, đoạn từ cung ứng nguyên vật liệu đến khâu phân phối hàng hóa tới tay người tiêu dùng; giảm chi phí giao nhận, giảm giá vận chuyển trong chuỗi vận tải. Các thành viên trong chuỗi vận tải nên biết các bên quan hệ trực tiếp với mình và biết đến các thành viên khác, cũng như kết quả chi phí logistics của doanh nghiệp, từ đó có cách kiểm soát hàng hóa, bảo hiểm trong các khâu.

Thứ sáu, giải pháp về thông tin: Ngày nay, dự báo nhu cầu vận tải để lên kế hoạch, sắp xếp và điều phối xe vận chuyển là điều rất cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Đây là một mắt xích rất quan trọng của mỗi doanh nghiệp logistics nhằm đáp ứng nhu cầu kịp thời và chuẩn xác, không để xảy ra lỗi trong điều phối giao nhận xe và giảm tổn thất chi phí giao nhận lỗi hàng.

Bên cạnh đó, tỉnh Lạng Sơn nên thường xuyên trao đổi thông tin có liên quan để giúp cho các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu và logistics nắm bắt tình hình, hỗ trợ nghiệp vụ tiến tới xây dựng cổng thông tin giao dịch logistics tại mỗi khu vực phục vụ.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng kiến nghị UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn thành lập Ban Quản lý dịch vụ logistics; tổ chức hội nghị kết nối doanh nghiệp, đồng hành cùng doanh nghiệp trong lĩnh vực cảng sông, kho bãi và logistics; Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thu hút nguồn hàng về tỉnh Lạng Sơn. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn (2020). *Báo cáo thực hiện kế hoạch ngành công thương năm 2020*
2. Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn (2020). *Báo cáo tổng kết công tác ngành giao thông vận tải năm 2020*
3. Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn (2021). *Niên giám Thống kê tỉnh Lạng Sơn năm 2020*, Nxb Thống kê
4. Trịnh Thị Thu Hương (2018). *Chi phí và năng lực logistics*, Nxb Lao động
5. Trang Thông tin điện tử logistics Việt Nam (2021). *Báo cáo logistics Việt Nam khảo sát tại tỉnh Lạng Sơn*